

Số: 415/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 07 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua chủ trương phương án sử dụng nguồn vốn
ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình
Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một
số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc
hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 340/NQ-HĐND
ngày 22 tháng 12 năm 2020 về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; số
160/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn
5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên; số 217/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7
năm 2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai
đoạn 2021-2025 và bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 của tỉnh Hưng Yên;

Thực hiện Kết luận số 726-KL/TU ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Chấp
hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 về kinh tế - xã hội, tài chính, ngân
sách nhà nước và đầu tư công năm 2024; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
trung hạn 5 năm 2021-2025;

Xét Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về chủ trương phương án sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã
đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn
mới tỉnh Hưng Yên, Báo cáo thẩm tra số 949/BC-KTNS ngày 05 tháng 12 năm 2023
của Ban Kinh - tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết
quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chủ trương phương án sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi là *Chương trình*) với nội dung như sau:

1. Số kế hoạch vốn

Số kế hoạch vốn còn lại từ nguồn ngân sách tỉnh để hỗ trợ các xã đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, số tiền là **1.319.159 triệu đồng**.

2. Phương án sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình

2.1. Số vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã theo 1 đơn vị cấp huyện:

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Tổng số xã	Tổng số vốn hỗ trợ (Triệu đồng)
1	2	3	4
TỔNG SỐ		139	1.319.159
1	Thành phố Hưng Yên	10	94.904
2	Huyện Tiên Lữ	14	132.865
3	Huyện Phù Cù	13	123.375
4	Huyện Ân Thi	20	189.807
5	Huyện Kim Động	16	151.845
6	Huyện Khoái Châu	24	227.768
7	Huyện Yên Mỹ	16	151.845
8	Thị xã Mỹ Hào	6	56.942
9	Huyện Văn Lâm	10	94.904
10	Huyện Văn Giang	10	94.904

2.2. Về đối tượng sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình: đối tượng nhận hỗ trợ là các xã để đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; các công trình, dự án của các xã phải đảm bảo phù hợp theo quy định để thực hiện Chương trình và phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của địa phương; các công trình, dự án phải trên cơ sở báo cáo đề xuất của Ủy ban nhân dân các xã và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

2.3. Nguyên tắc, tiêu chí hỗ trợ các xã đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình từ nguồn vốn ngân sách tỉnh: căn cứ số vốn ngân sách tỉnh dự kiến hỗ trợ các xã đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình theo 1 đơn vị cấp huyện nêu trên; lựa chọn các xã và công trình, dự án, mức hỗ trợ trên cơ sở rà soát, xem xét đề xuất của Ủy ban nhân dân các xã và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cho phù

hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và đảm bảo theo thứ tự ưu tiên của từng địa phương. Trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ chỉ một phần; ngân sách huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư phần còn lại.

- Hỗ trợ đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, bền vững; đảm bảo quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, nhiệm vụ, phù hợp về quy hoạch, kế hoạch đầu tư vốn và thứ tự ưu tiên đầu tư của từng địa phương...thực hiện phân cấp quản lý đầu tư theo quy định.

- Ưu tiên hỗ trợ cho các xã đã đạt nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tiếp tục hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí đã đạt nhưng mức đạt của một số chỉ tiêu còn ở mức thấp, chưa đảm bảo theo yêu cầu của các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Ưu tiên hỗ trợ cho các xã có tiêu chí về cơ sở hạ tầng còn thấp, chưa đạt nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu để phấn đấu đến hết năm 2024, toàn tỉnh có 100% số xã được công nhận nông thôn mới nâng cao và các xã phấn đấu được công nhận nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024-2025.

- Hỗ trợ các xã đầu tư cơ sở hạ tầng phải đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, quy định của Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và các văn bản pháp luật liên quan.

- Danh mục công trình, dự án của các xã sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình không để xảy ra tình trạng trùng lặp với các công trình, dự án khác; số vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ công trình, dự án/1 xã không được vượt quá tổng số vốn hỗ trợ 01 đơn vị cấp huyện.

2.4. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn các xã thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên.

2.5. Nguồn vốn đầu tư Danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình:

- Ngân sách tỉnh (tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 160/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 và số 217/NQ-HĐND ngày 07/7/2022): 1.319.159 triệu đồng.

- Ngân sách cấp huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư phần còn lại.

2.6. Thời gian thực hiện: năm 2024-2025.

(Có Phụ lục Danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các quy định của pháp luật hiện hành; báo cáo Hội đồng

nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí để triển khai thực hiện dự án sau khi phê duyệt đầu tư các công trình; cân đối, bố trí phần vốn theo cơ cấu nguồn vốn của mỗi cấp ngân sách vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và hàng năm đảm bảo tiến độ thực hiện dự án theo quy định. Hàng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khoá XVII, Kỳ họp thứ Mười tám nhất trí thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. / *bsw*

Nơi nhận: *✓*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, CV^{V.A}.

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÔNG TRÌNH/DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ CÁC XÃ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH HƯNG YÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/5NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m2, ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)			Mức NS tỉnh hỗ trợ	Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)	Chủ đầu tư
						Tổng số	NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác			
TỔNG SỐ						3.308,589	1.319,159	1.989,430		1.319,159	
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN						159,000	94,904	64,096		94,904	
1	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn An Châu 1, thôn An Châu 2, thôn Phú Sa và thôn Hà Châu, xã Hoàng Hanh	Hoàng Hanh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.700m	12,200	6,000	6,200	Dưới 50%	6,000	UBND xã Hoàng Hanh
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phương Chiểu (Đoạn 1: Từ trạm bơm công Văn đến tha ma Cãi, Đoạn 2 ngõ xóm 3 thôn Phương Thượng; Từ nhà ông Ly đến nhà ông Sơn; Đoạn 3 ngõ xóm 4 thôn Phương Thượng; Từ nhà ông Nguyễn đến nhà ông Liên)	Phương Chiểu	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.200m	22,000	10,000	12,000	Dưới 50%	10,000	UBND xã Phương Chiểu
3	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Bảo Khê (Tuyến 1: Từ ngã ba nhà Hưng Thủy đi nhà anh Tài Lương; Tuyến 2: Từ công đền Tân La đi nhà văn hóa thôn Đoàn Thượng; Tuyến 3: Từ nhà Dương Anh đến nhà ông Hành; Tuyến 4: Từ nhà ông Tâm Tân đến hết đến Tân Lạc; Tuyến 5: Từ chợ Đốc đi nhà Phương Liên; Tuyến 6: Từ QL.39 đến đơn vị Hại GT đường bộ 195; Tuyến 7: Từ đường DH.72 đến khu vực đồng Bùn)	Bảo Khê	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.000m	14,900	7,200	7,700	Dưới 50%	7,200	UBND xã Bảo Khê
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn 1: Từ đốc Đình Trung đến Đình Cãi; đoạn 2: Từ nhà ông Lưu đến nhà ông Ân; đoạn 3: Từ nhà ông Nguyễn đến nhà ông Lạp; đoạn 4: Từ nhà ông Lộc đến ngã tư Tiên)	Tân Hưng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.000m	21,000	14,000	7,000	Tên 50%	14,000	UBND xã Tân Hưng
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (Đoạn từ ngã 3 trực xã, nhà ông Duyên đến nhà bà Tô, thôn Quang Trung)	Tân Hưng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=400m	21,000	14,500	6,500	Tên 50%	14,500	UBND xã Tân Hưng
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Cường (Đoạn từ đường trục xã Hưng Cường đến Cổng nhà ông Thuận)	Hưng Cường	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=550m	30,000	21,000	9,000	Tên 50%	21,000	UBND xã Hưng Cường
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Cường (Đoạn từ đê bổi sang địa phận Phường Lam)	Hưng Cường	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=800m	6,000	4,200	1,800	Tên 50%	4,200	UBND xã Hưng Cường
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Châu (Tuyến 1: từ đường giữa đến nhà anh Duy thôn 6; Tuyến 2: Từ nhà văn hóa thôn 6 đến cụ Ngạc thôn 6)	Quảng Châu	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=650m	5,500	3,800	1,700	Tên 50%	3,800	UBND xã Quảng Châu
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Quảng Châu (đoạn từ nhà ông Pha thôn 4 đến nhà ông Đoàn thôn 3; đoạn từ cạnh nhà ông Cộng thôn 4 đến nhà ông Bẩy thôn 3)	Quảng Châu	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.000m	9,900	5,000	4,900	Tên 50%	5,000	UBND xã Quảng Châu
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Châu (Đoạn từ vườn nhà ông Huỳnh thôn 3 đến thôn 6 giáp xã Hoàng Hanh)	Quảng Châu	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.000m	13,500	7,204	6,296	Tên 50%	7,204	UBND xã Quảng Châu

TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m2, ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)					Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)	Chủ đầu tư	
						Tổng số	Trong đó:		Mức NS tỉnh hỗ trợ	11			
							NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác					10
1													
11	Xây dựng Nhà văn hóa thôn 3, xã Quảng Châu	Quảng Châu	Nhà VH thôn	Xuống cấp	Diện tích xây dựng, S=144m ² , hạng mục phụ trợ	3,000	2,000	1,000	Tên 50%	2,000	UBND xã Quảng Châu		
II HUYỆN TIỀN LŨ						305,927	132,865	173,062		132,865			
1	Xây dựng cầu Minh Tân, xã Thiện Phiên	Thiện Phiên	Cầu GTNT	Xuống cấp	Xây dựng cầu GTNT, L=12m	14,980	7,400	7,580	Dưới 50%	7,400	UBND xã Thiện Phiên		
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Diệt Pháp và thôn Tân Khai, xã Thiện Phiên	Thiện Phiên	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=780m	10,500	5,000	5,500	Dưới 50%	5,000	UBND xã Thiện Phiên		
3	Xây dựng cầu ông Khoi thôn An Lạc, xã Đức Thắng	Đức Thắng	Cầu GTNT	Xuống cấp	Xây dựng cầu GTNT, L=15m	14,963	7,300	7,663	Dưới 50%	7,300	UBND xã Đức Thắng		
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đức Thắng (Tuyến 1: đoạn từ công bà Hời đến DH.90 và đoạn từ DH.90 đến đình làng Lạc Đức; Tuyến 2: đoạn từ nhà ông Hào đến dòng Am và đoạn từ nhà ông Khuông đến nhà ông Cát; Tuyến 3: đoạn từ nhà ông Sắc đến DH.92)	Đức Thắng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2,420m	13,500	6,261	7,239	Dưới 50%	6,261	UBND xã Đức Thắng		
5	Xây dựng nhà lớp học bộ môn 2 tầng 6 phòng, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học - THCS Đức Thắng	Đức Thắng	Trường Tiểu học và THCS	Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=1.520m ² ; hạng mục phụ trợ	19,800	7,500	12,300	Dưới 50%	7,500	UBND xã Đức Thắng		
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ Cầu Nai đến Giếng Tân Tiến - thôn Trinh Mỹ, xã Ngô Quyền	Ngô Quyền	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,000m	14,500	8,500	6,000	Tên 50%	8,500	UBND xã Ngô Quyền		
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Mai Xá, xã Minh Phương (đoạn từ nhà ông Vũ đến nhà ông Cách; thôn Diêm Tây, xã Minh Phương đoạn từ nhà ông Hường đến nhà ông Ngọc; thôn Diêm Đông, xã Minh Phương đoạn I từ nhà ông Sở đến nhà ông Thìn, đoạn II từ nhà ông Nhung đến nhà ông Bị)	Minh Phương	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,150m	13,000	8,000	5,000	Tên 50%	8,000	UBND xã Minh Phương		
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Viên (đoạn từ DH.72 đến ngã tư chợ Nội; từ nhà ông Lê Thái đến DH.72; từ quan thần ninh Mã Mên thôn Nội Mai đến xã Thủ Sĩ)	An Viên	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,150m	8,500	3,540	4,960	Dưới 50%	3,540	UBND xã An Viên		
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Viên (Đoạn 1: Từ cầu này đến đình Nội Mai; Đoạn 2: Từ đình Nội Mai sông Tân An cũ)	An Viên	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,260m	10,000	2,000	8,000	Dưới 50%	2,000	UBND xã An Viên		
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Viên (đoạn từ khu đất quy hoạch Trường mầm non đến giao đường DH.92 kéo dài, sông T1)	An Viên	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=850m	12,500	3,000	9,500	Dưới 50%	3,000	UBND xã An Viên		
11	Đường giao thông nông thôn thôn Bãi Khê, xã Cương Chính (đoạn từ DH.92 đến nhà ông Đỗ)	Cương Chính	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=520m	10,500	3,000	7,500	Dưới 50%	3,000	UBND xã Cương Chính		

TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m ² , ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)					Mức NS tình hỗ trợ	Kế hoạch vốn NS tình hỗ trợ năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)	Chủ đầu tư		
						Tổng số	Trong đó:			10				11	12
							NS tình hỗ trợ	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác	9						
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhật Tân (Tuyến 1: Từ nhà bà Mậu đến nhà bà Tuyên; Tuyến 2: Từ nhà ông Hiền đến nhà ông Dũng; Tuyến 3: Từ nhà bà Phương đến sau Quận; Tuyến 4: Từ nhà ông Chi đến nhà ông Lan; Tuyến 5: Từ nhà ông Minh đến nhà ông An)	Nhật Tân	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.760m	14,900	7,000	7,900	Dưới 50%	7,000	UBND xã Nhật Tân				
13	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Di Chế (Đoạn 1: Từ nhà ông Bình đi bãi rác đồng Bàu; Đoạn 2: Từ ruộng nhà ông Tĩnh đi ruộng nhà bà Hiền; Đoạn 3: Từ ruộng nhà bà Hằng đi ruộng nhà ông Cường)	Di Chế	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.300m	10,500	3,000	7,500	Dưới 50%	3,000	UBND xã Di Chế				
14	Xây dựng Trạm y tế xã Lê Xá	Lê Xá	Trạm Y tế	Xuống cấp	Diện tích xây dựng, S=380m ² ; hạng mục phụ trợ	9,600	3,000	6,600	Dưới 50%	3,000	UBND xã Lê Xá				
15	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Tam Nông, xã Hưng Đạo (Đoạn từ nhà ông Căn đến cầu nối sang thôn Mươi Sáng)	Hưng Đạo	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=750m	14,950	10,500	4,450	Tên 50%	10,500	UBND xã Hưng Đạo				
16	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Đạo (đoạn từ nhà ông Hoàn đến đường nối Cao Túc)	Hưng Đạo	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.200m	9,500	5,000	4,500	Tên 50%	5,000	UBND xã Hưng Đạo				
17	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Dung, xã Hưng Đạo (Đoạn từ nhà ông Vinh đến nhà ông Ngọc)	Hưng Đạo	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=550m	8,000	5,600	2,400	Tên 50%	5,600	UBND xã Hưng Đạo				
18	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (Đoạn từ cây xăng cũ đến DH.92 nhánh 2)	Hải Triều	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.500m	39,623	18,264	21,359	Dưới 50%	18,264	UBND xã Hải Triều				
19	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (Đoạn từ cửa hàng đến đường DT.376)	Hải Triều	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=345m	14,500	7,000	7,500	Dưới 50%	7,000	UBND xã Hải Triều				
20	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (Đoạn từ DT.376 đến nhà văn hóa thôn Triều Dương)	Hải Triều	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=350m	12,500	6,000	6,500	Dưới 50%	6,000	UBND xã Hải Triều				
21	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (Tuyến 1, từ nhà ông Chung đến nhà ông Quang; Tuyến 2, từ nhà ông Tài đến nhà ông Kinh; Tuyến 3, từ nhà ông Thăng Mỹ đến nhà ông Hệ thôn Hải Yên)	Hải Triều	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.170m	14,990	3,000	11,990	Dưới 50%	3,000	UBND xã Hải Triều				
22	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (Tuyến 1, từ DT.378 dọc Hới đến cảng Triều Dương; Tuyến 2, từ DT.376 đến DH.90)	Hải Triều	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.550m	14,121	3,000	11,121	Dưới 50%	3,000	UBND xã Hải Triều				
III HUYỆN PHÚ CŨ						243,100	123,375	119,725		123,375					
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tiên Tiến (Đoạn 1: Từ khu dân cư mới thôn Hoàng Xá đến đường nhựa thôn Nại Khê; Đoạn 2: Từ đường DT.386 đến cổng Gù, thôn Nại Khê)	Tiên Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.470m	14,500	3,200	11,300	Dưới 50%	3,200	UBND xã Tiên Tiến				
2	Xây dựng đường GTNT xã Quang Hưng (đoạn quanh ao đình Quang Xá)	Quang Hưng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=299m	13,500	6,000	7,500	Dưới 50%	6,000	UBND xã Quang Hưng				
3	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Duyệt Lễ, thôn Duyệt Văn, xã Minh Tân	Minh Tân	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.900m	23,000	15,775	7,225	Tên 50%	15,775	UBND xã Minh Tân				

TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m2, ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)					Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)	Chủ đầu tư
						Tổng số	NS tỉnh hỗ trợ	Trong đó: NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác	Mức NS tỉnh hỗ trợ			
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Duyết Văn, xã Minh Tân (Đoạn từ nhà ông Độ qua nhà ông Lan Đình đến nhà ông Thành Phiến)	Minh Tân	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=780m	8,000	5,000	3,000	Trên 50%	5,000	UBND xã Minh Tân	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Tiến (Đoạn 1: Từ đường DH.64 thôn Phú Oanh đến thôn Kim Phương; Đoạn 2: Từ nhà ông Thăng xóm Rèn đến giáp xã Tam Đa)	Minh Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.120m	23,000	10,000	13,000	Dưới 50%	10,000	UBND xã Minh Tiến	
5	Đường GTNT thôn Kim Phương, xã Minh Tiến (Từ đầu nghĩa trang đến sông Quyet Thắng)	Minh Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=800m	5,500	2,000	3,500	Dưới 50%	2,000	UBND xã Minh Tiến	
6	Đường GTNT thôn Kim Phương, xã Minh Tiến (Từ đầu nghĩa trang đến ruộng nhà ông Huân)	Minh Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=500m	4,500	2,000	2,500	Dưới 50%	2,000	UBND xã Minh Tiến	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Kim Phương, xã Minh Tiến (Đoạn từ nhà ông Hữu đến ruộng nhà ông Biện)	Minh Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=250m	2,500	1,000	1,500	Dưới 50%	1,000	UBND xã Minh Tiến	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phú Oanh, xã Minh Tiến (Đoạn 1: Từ nhà ông Mãng đến cây đa ông Sùng; Đoạn 2: Từ nhà bà Huyền đến ruộng nhà ông Sinh)	Minh Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=750m	5,000	1,800	3,200	Dưới 50%	1,800	UBND xã Minh Tiến	
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phú Oanh, xã Minh Tiến (Đoạn từ nhà ông Sang đến nhà ông Oai)	Minh Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=475m	3,500	1,200	2,300	Dưới 50%	1,200	UBND xã Minh Tiến	
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyễn Hòa (đoạn 1 từ nhà ông Mạn đến nhà ông Chuyển, đoạn 2 từ nhà ông Thọ đến nhà ông Doanh thôn La Tiên)	Nguyễn Hòa	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=267m	2,800	1,000	1,800	Dưới 50%	1,000	UBND xã Nguyễn Hòa	
11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyễn Hòa (đoạn 1 từ nhà ông Thái thôn Sỹ Quý)	Nguyễn Hòa	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=745m	8,000	3,000	5,000	Dưới 50%	3,000	UBND xã Nguyễn Hòa	
12	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyễn Hòa (đoạn từ nhà ông Giảng thôn Sỹ Quý xuống ngòi Thanh Lan)	Nguyễn Hòa	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=590m	3,600	1,500	2,100	Dưới 50%	1,500	UBND xã Nguyễn Hòa	
13	Xây dựng đường GTNT xã Nguyễn Hòa (Đoạn quanh hồ Thị Giang)	Nguyễn Hòa	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=435m	19,500	9,000	10,500	Dưới 50%	9,000	UBND xã Nguyễn Hòa	
14	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Đình Cao, thôn An Nhứt, thôn Văn Xa xã Đình Cao, huyện Phú Cù	Đình Cao	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.650m	11,700	4,000	7,700	Dưới 50%	4,000	UBND xã Đình Cao	
15	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT đoạn từ nhà ông Đạt đến cánh đồng Nam Dong thuộc thôn Trà Dương xã Tổng Trần	Tổng Trần	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.000m	4,500	2,500	2,000	Trên 50%	2,500	UBND xã Tổng Trần	
16	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tổng Trần (Đoạn từ dốc nhà văn hóa Vòng Phan đến nhà ông Thuận, thôn An Cầu)	Tổng Trần	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.800m	37,000	25,900	11,100	Trên 50%	25,900	UBND xã Tổng Trần	



TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m2, ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)					Chú đầu tư
						Tổng số	Trong đó:		Mức NS tỉnh hỗ trợ	Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)	
						NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác				
1						7	8	9	10	11	12
19	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phan Sào Nam (Tuyến 1: Đoạn từ cổng ông Bông đến trạm bơm thôn Phương Bồ giáp DH.64; Tuyến 2: Đoạn từ giao tuyến 1 đến giáp DH.64; Tuyến 3: Đoạn từ nhà ông Công đến nhà ông Hải xóm 6 thôn Trà Bò; Tuyến 4: Đoạn từ nhà ông Yên qua công họ Nguyễn Đăng đến nhà ông Hộ)	Phan Sào Nam	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.780m	13.500	5.000	8.500	Dưới 50%	5.000	UBND Phan Sào Nam
20	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Đào (Đoạn từ DH.81 đến trạm điện 110)	Đoàn Đào	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=660m	25.000	17.500	7.500	Tên 50%	17.500	UBND xã Đoàn Đào
IV HUYỆN AN THỊ											
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đỗ Hạ, thôn Gia Cốc, thôn Phú Cốc, thôn Ngọc Châu xã Quang Vinh	Quang Vinh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.450m	14.500	7.000	7.500	Dưới 50%	7.000	UBND xã Quang Vinh
2	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Hoàng Hoa Thám (Đoạn từ nhà ông Duệ đến giao với DH.61 và đoạn từ nhà ông Minh thôn Minh Lý đến nhà văn hóa cũ thôn Danh Xã)	Hoàng Hoa Thám	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=4.400m	35.000	13.000	22.000	Dưới 50%	13.000	UBND xã Hoàng Hoa Thám
3	Xây dựng cầu Đạm, xã Hoàng Hoa Thám	Hoàng Hoa Thám	Cầu GTNT	Xuống cấp	Cầu 3 nhịp, Ln=54m	36.000	17.500	18.500	Dưới 50%	17.500	UBND xã Hoàng Hoa Thám
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Ninh (đoạn 1, từ công làng văn hóa thôn Ninh Thôn đến trạm bơm thôn Ninh Thôn; đoạn 2, từ công làng văn hóa thôn Ninh Thôn đi đường chùa cũ; đoạn 3, từ trạm bơm thôn Ninh Thôn đến ngã 3 đường vào Đòng Phần; đoạn 4, từ cù Đòng Kênh đến ngã 3 nhà ông Tài)	Cẩm Ninh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.460m	14.950	7.000	7.950	Dưới 50%	7.000	UBND xã Cẩm Ninh
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Ninh (Đoạn từ đình thôn Đòng Bàn đến ruộng hội phụ nữ xã)	Cẩm Ninh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=850m	6.500	3.000	3.500	Dưới 50%	3.000	UBND xã Cẩm Ninh
6	Xây dựng nhà văn hoá thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi	Xuân Trúc	Nhà VH thôn	Xuống cấp	Diện tích xây dựng, S=630m ² ; hạng mục phụ trợ	10.000	4.500	5.500	Dưới 50%	4.500	UBND xã Xuân Trúc
7	Xây dựng trung tâm văn hoá xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi	Xuân Trúc	Nhà VH xã	Chưa có	Diện tích xây dựng, S=1.000m ² ; hạng mục phụ trợ	14.950	7.000	7.950	Dưới 50%	7.000	UBND xã Xuân Trúc
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồ Tùng Mậu (đoạn của các thôn Lưu Xã, thôn Mão Cầu, thôn Mão Đông, thôn Gạo Bắc và thôn Gạo Nam)	Hồ Tùng Mậu	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=4.000m	30.000	14.500	15.500	Dưới 50%	14.500	UBND xã Hồ Tùng Mậu
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Lưu Xã, xã Hồ Tùng Mậu (đoạn từ cầu Gạo Bắc đến cầu Lưu Xã)	Hồ Tùng Mậu	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=800m	12.000	5.500	6.500	Dưới 50%	5.500	UBND xã Hồ Tùng Mậu
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Ứng (đoạn của các thôn Phú Ứng, thôn Huệ Lai, thôn Kim Lũ và thôn Hồng Lương)	Phú Ứng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.180m	13.500	6.500	7.000	Dưới 50%	6.500	UBND xã Phú Ứng

HUYỆN AN THỊ

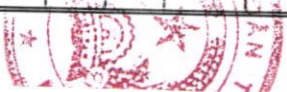
KTS

TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m ² , ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)					Mức NS tình hồ trợ	Kế hoạch vốn NS tình bổ trợ năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)	Chủ đầu tư
						Tổng số	Trong đó:		NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác	Dưới 50%			
							NS tình hồ trợ	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác					
1						7	8	9	10	11	12		
11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Vân (đoạn 1: từ nhà ông Cừ đường DT.376 cũ đến đường DT.376 mới, thôn Tân Viên; đoạn 2: từ nhà ông Sơn đến nhà ông Hiền, thôn Trà Phưong)	Hồng Vân	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.000m	14,900	7,000	7,900	Dưới 50%	7,000	UBND xã Hồng Vân		
12	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Vân (đoạn từ nhà ông Ngưỡng đến nhà bà Mận Trà Phưong)	Hồng Vân	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=280m	2,600	1,200	1,400	Dưới 50%	1,200	UBND xã Hồng Vân		
13	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Vân (đoạn từ nhà trẻ thôn 4 đến nhà ông Phú thôn 4 Trà Phưong)	Hồng Vân	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=350m	3,400	1,500	1,900	Dưới 50%	1,500	UBND xã Hồng Vân		
14	Trường TH&THCS Hồng Vân (Hạng mục: Nhà lớp học khối Tiểu học)	Hồng Vân	Trường Tiểu học	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=1.419m ² ; hạng mục phụ trợ	14,991	7,400	7,591	Dưới 50%	7,400	UBND xã Hồng Vân		
15	Trường TH&THCS Hồng Vân (Hạng mục: Nhà lớp học khối THCS và PCCC)	Hồng Vân	Trường THCS	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=1.419m ² ; hạng mục phụ trợ	14,991	7,200	7,791	Dưới 50%	7,200	UBND xã Hồng Vân		
16	Trường TH&THCS Hồng Vân (Hạng mục: Nhà chức năng khối Tiểu học và khối THCS)	Hồng Vân	Trường Tiểu học và THCS	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=1.854m ² ; hạng mục phụ trợ	19,989	7,400	12,589	Dưới 50%	7,400	UBND xã Hồng Vân		
17	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Nhân Lý (Đoạn 1: Từ nhà anh Hệ đến nhà bà Quảng; Đoạn 2: Từ TL.376 cũ qua nhà văn hóa thôn đến đường TL.376 mới)	Nguyễn Trãi	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=765m	6,114	2,950	3,164	Dưới 50%	2,950	UBND xã Nguyễn Trãi		
18	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Nhân Vũ (đoạn từ TL.376 mới đến nhà ông Phiếu)	Nguyễn Trãi	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=705m	11,834	5,900	5,934	Dưới 50%	5,900	UBND xã Nguyễn Trãi		
19	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Mã Xá (Đoạn 1: Từ đình TL.376 cũ đến nhà a Khai xóm 2; Đoạn 2: Từ nhà anh Tín đến TL.376 mới)	Nguyễn Trãi	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=332m	5,000	2,450	2,550	Dưới 50%	2,450	UBND xã Nguyễn Trãi		
20	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Ấp Nhân Lý (Đoạn từ quán Bạc đến cầu ông Khương; đường dọc bờ sông trung thủy nông)	Nguyễn Trãi	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=860m	5,621	2,800	2,821	Dưới 50%	2,800	UBND xã Nguyễn Trãi		
21	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Mão Xuyên (Đoạn từ ngã tư vườn qua đến nghĩa trang nhân dân; tuyến nhánh từ nghĩa trang đến nhà ông Diên)	Nguyễn Trãi	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.642m	9,688	4,800	4,888	Dưới 50%	4,800	UBND xã Nguyễn Trãi		
22	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT (Đoạn từ Nhân Lý ra TL.376 mới)	Nguyễn Trãi	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=575m	7,848	3,500	4,348	Dưới 50%	3,500	UBND xã Nguyễn Trãi		
23	Cải tạo, mở rộng đường GTNT thôn Bình Cầu xã Quảng Lăng (Đoạn từ nhà ông Lại đến nhà ông Quán)	Quảng Lăng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.166m	14,750	7,300	7,450	Dưới 50%	7,300	UBND xã Quảng Lăng		
24	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bình Cầu xã Quảng Lăng (Đoạn từ xóm 1 ra đường DH.62)	Quảng Lăng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=420m	12,000	5,900	6,100	Dưới 50%	5,900	UBND xã Quảng Lăng		

TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m ² , ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)					Chú đầu tư	
						Tổng số	Trong đó:		Mức NS tỉnh hỗ trợ	Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)		
							NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác				
1												
25	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Quảng Lăng	Quảng Lăng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=900m	8,500	4,200	4,300	Dưới 50%	4,200	UBND xã Quảng Lăng	
26	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Báo Tàng và thôn Bình Cầu xã Quảng Lăng	Quảng Lăng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=310m	3,500	1,200	2,300	Dưới 50%	1,200	UBND xã Quảng Lăng	
27	Sửa chữa, chống xuống cấp nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Tân Phúc	Tân Phúc	Trường Tiểu học	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=50m ² ; hạng mục phụ trợ	2,150	1,000	1,150	Dưới 50%	1,000	UBND xã Tân Phúc	
28	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (đoạn từ nhà ông Trích thôn Ngọc Nhuế đến nhà ông Năm thôn Ninh Đạo)	Tân Phúc	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=800m	11,500	4,500	7,000	Dưới 50%	4,500	UBND xã Tân Phúc	
29	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (đoạn 1 từ đường DH61 đến nhà ông Niệm thôn Ngọc Nhuế, đoạn 2 từ DH61 đến công nhà ông Bang thôn Ngọc Nhuế)	Tân Phúc	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=450m	6,150	2,500	3,650	Dưới 50%	2,500	UBND xã Tân Phúc	
30	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vạn Nhuế (đoạn 1 từ nhà ông Khâu đến DH61, đoạn 2 từ nhà bà Khoa đến nhà ông Tuom)	Vạn Nhuế	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=470m	4,650	2,000	2,650	Dưới 50%	2,000	UBND xã Vạn Nhuế	
31	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vạn Nhuế (từ nhà ông Thi đến đường Cải Ngang thôn Vạn Trạch)	Vạn Nhuế	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=160m	2,000	900	1,100	Dưới 50%	900	UBND xã Vạn Nhuế	
32	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vạn Nhuế (từ đường giữa làng đến nhà ông Lưc, từ nhà bà Phong đến nhà bà Hiệt và từ nhà ông Phúc đến nhà ông Sông, thôn Vạn Trạch)	Vạn Nhuế	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=250m	2,500	1,000	1,500	Dưới 50%	1,000	UBND xã Vạn Nhuế	
33	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vạn Nhuế (Đoạn 1: Từ nhà ông Bắc đến giếng đình thôn Anh Nhuế; Đoạn 2: Từ nhà ông Hạnh đến nhà ông Thành thôn Anh Nhuế)	Vạn Nhuế	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=800m	6,000	2,500	3,500	Dưới 50%	2,500	UBND xã Vạn Nhuế	
34	Nhà Văn hóa thôn Vạn Trạch xã Vạn Nhuế, huyện Ân Thi	Vạn Nhuế	Nhà VH thôn	Chưa có	Diện tích xây dựng, S=235m ² ; hạng mục phụ trợ	4,100	1,700	2,400	Dưới 50%	1,700	UBND xã Vạn Nhuế	
35	Cải tạo, nâng cấp đường trực GTNT xã Đặng Lễ đoạn từ QL.38 đến giáp thôn Lã Xá, xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi	Đặng Lễ	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=3,800m	24,000	10,507	13,493	Dưới 50%	10,507	UBND xã Đặng Lễ	
36	Xây dựng Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Văn Du, huyện Ân Thi	Văn Du	Trường Tiểu học	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=950m ² ; hạng mục phụ trợ	10,500	5,000	5,500	Dưới 50%	5,000	UBND xã Văn Du	
V	HUYỆN KIM ĐỘNG					426,851	151,845	275,006		151,845		
1	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Ngọc Thanh (Tuyến 1: Từ Hại Quán lý để điều huyện Kim Động đến nhà ông Chính; Tuyến 2: Từ chân đê đến nhà ông Nhân, thôn Phương Lâu; Tuyến 3: Xây dựng đường và kèn cổ mương thoát nước, thôn Phương Lâu)	Ngọc Thanh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=880m	10,800	5,000	5,800	Dưới 50%	5,000	UBND xã Ngọc Thanh	



TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m2, ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)				Mức NS tình hỗ trợ	Kế hoạch vốn NS tình hỗ trợ năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)	Chủ đầu tư
						Tổng số	NS tình hỗ trợ	Trong đó: NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác				
1												
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Thanh (Tuyến 1: Từ ngã tư nhà ông Lữ đến trường THCS xã; Tuyến 2: Từ dốc ông Hà đến dốc nhà bà Xê, thôn Duyên Yên)	Ngọc Thanh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.250m	14,700	7,000	7,700	Dưới 50%	7,000	UBND xã Ngọc Thanh	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Thanh (Giai đoạn 2: Đoạn từ chợ Gò đến ngã tư Duyên Yên và đoạn từ UBND xã đến DT.378)	Ngọc Thanh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.280m	14,980	6,845	8,135	Dưới 50%	6,845	UBND xã Ngọc Thanh	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Thanh (Đoạn từ Điểm Ngồi đến nghĩa trang thôn Thanh Cù và Đoạn từ nhà ông Bộ đến Trạm y tế xã Ngọc Thanh)	Ngọc Thanh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=800m	10,220	5,000	5,220	Dưới 50%	5,000	UBND xã Ngọc Thanh	
5	Xây dựng Trạm Y tế xã Ngọc Thanh	Ngọc Thanh	Trạm Y tế	Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=496m ² , hạng mục phụ trợ	10,000	3,500	6,500	Dưới 50%	3,500	UBND xã Ngọc Thanh	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hiệp Cường (đoạn từ công trường tiểu học đến công nhà ông Tinh)	Hiệp Cường	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=220m	14,500	5,000	9,500	Dưới 50%	5,000	UBND xã Hiệp Cường	
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hiệp Cường (Đoạn từ cầu Đổng Lương đến ngã ba nhà ông Toàn)	Hiệp Cường	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.500m	20,500	4,000	16,500	Dưới 50%	4,000	UBND xã Hiệp Cường	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hiệp Cường (Đoạn 1: Từ trường cứng cảnh Mã Chanh đến đường bê tông của Đình Lương Xã; Đoạn 2: Từ ruộng nhà bà Sùng qua kênh cứng đến da cảnh Ao Ngoạt thôn Trà Lam)	Hiệp Cường	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.150m	7,200	3,000	4,200	Dưới 50%	3,000	UBND xã Hiệp Cường	
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hiệp Cường (Tuyến 1: Từ nhà bà Bích Tinh đến nhà ông Trần; Tuyến 2: Từ nhà ông Nghĩa đến cảnh đồng vườn Hân)	Hiệp Cường	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=600m	7,000	3,000	4,000	Dưới 50%	3,000	UBND xã Hiệp Cường	
10	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng học Trường THCS Hiệp Cường	Hiệp Cường	Trường THCS	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=1.900m ² , hạng mục phụ trợ	20,000	6,000	14,000	Dưới 50%	6,000	UBND xã Hiệp Cường	
11	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Song Mai (Tuyến 01 từ Công làng thôn Miêu Nha đến qua nhà ông Văn thôn Miêu Nha; Tuyến 02 từ nhà bà Vòn đến nhà ông Hải thôn Phan Thủy; Tuyến 03 từ Miêu Bà đến bờ Giếng thôn Mai Viên)	Song Mai	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.300m	14,968	5,000	9,968	Dưới 50%	5,000	UBND xã Song Mai	
12	Mở rộng, nâng cấp đường GTNT (đoạn từ cầu Đổng An đến chùa Trung Đức), xã Toàn Thắng	Toàn Thắng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=320m	6,000	2,900	3,100	Dưới 50%	2,900	UBND xã Toàn Thắng	
13	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông xã Nghĩa Dân (Đoạn từ Trạm điện đến cụm công nghiệp Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Dân giáp thôn Thổ Cầu; Đoạn từ cửa Đình đến cụm công nghiệp Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Dân giáp thôn Thổ Cầu và từ nhà văn hóa thôn Thổ Cầu đến cảnh Cừ ao thôn Thổ Cầu)	Nghĩa Dân	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.700m	14,990	7,000	7,990	Dưới 50%	7,000	UBND xã Nghĩa Dân	



TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m ² , ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)					Chủ đầu tư
						Tổng số	Trong đó:		Mức NS tỉnh hỗ trợ	Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)	
							NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác			
1	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông xã Nghĩa Dân (Đoạn từ nhà ông Sư đến cửa Mả Cửa thôn Đào Lâm; đoạn từ Đổng Lâm đến cửa Đổng Quan thôn Đào Lâm; đoạn từ nhà ông Cường đến nghĩa trang thôn Đào Lâm; đoạn từ nhà ông Phi đến nhà ông Oánh thôn Đào Lâm)	Nghĩa Dân	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.600m	14,968	6,000	8,968	Dưới 50%	6,000	UBND xã Nghĩa Dân
15	Xây dựng cầu Đen thôn Trúc Cầu, xã Nghĩa Dân	Nghĩa Dân	Cầu GTNT	Xuống cấp	Xây dựng cầu GTNT, Ln=12m	14,980	6,100	8,880	Dưới 50%	6,100	UBND xã Nghĩa Dân
16	Xây dựng mới nhà làm việc 3 tầng, các hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Nghĩa Dân	Nghĩa Dân	Trạm Y tế	Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=1.200m ² ; hạng mục phụ trợ	14,500	6,500	8,000	Dưới 50%	6,500	UBND xã Nghĩa Dân
17	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường xã Nghĩa Dân 1 (đoạn từ nhà ông Hoàn (QL.38 cũ) đến QL.38 mới) và đường Nghĩa Dân 2 (đoạn từ QL.38 mới đến nhà ông Bằng Chua)	Nghĩa Dân	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.200m	18,150	5,000	13,150	Dưới 50%	5,000	UBND xã Nghĩa Dân
18	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vinh Xá (đoạn qua thôn Đào Xá)	Vinh Xá	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.300m	11,000	5,000	6,000	Dưới 50%	5,000	UBND xã Vinh Xá
19	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vinh Xá (đoạn từ đập ba nhóm đến máng nôi thôn Ngõ Xá)	Vinh Xá	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=850m	8,000	3,000	5,000	Dưới 50%	3,000	UBND xã Vinh Xá
20	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Dương Phú, xã Chính Nghĩa (đoạn từ nhà ông Thịnh đến đường DH.70)	Chính Nghĩa	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=685m	6,000	2,500	3,500	Dưới 50%	2,500	UBND xã Chính Nghĩa
21	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bùi Xá, xã Đổng Thanh (đoạn từ DH.75 đến nhà Đổng Lanh)	Đổng Thanh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=750m	20,000	5,000	15,000	Dưới 50%	5,000	UBND xã Đổng Thanh
22	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bùi Xá, xã Đổng Thanh (đoạn từ Tài Thương đến nhà bà Hiên Sỏi)	Đổng Thanh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=270m	3,500	1,500	2,000	Dưới 50%	1,500	UBND xã Đổng Thanh
23	Xây dựng Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Bùi Xá, xã Đổng Thanh	Đổng Thanh	Nhà VH thôn	Xuống cấp	Diện tích xây dựng, S=250m ² ; hạng mục phụ trợ	7,500	2,000	5,500	Dưới 50%	2,000	UBND xã Đổng Thanh
24	Xây dựng phòng học bộ môn 3 tầng 9 phòng Trường THCS Đổng Thanh	Đổng Thanh	Trường THCS	Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=1.412m ² ; hạng mục phụ trợ	12,500	4,000	8,500	Dưới 50%	4,000	UBND xã Đổng Thanh
25	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Tiên Quán, xã Phạm Ngũ Lão (Tuyến 1, từ nhà bà Lâu đến Đình làng Tiên Quán; Tuyến 2, từ nhà ông Xê đến đường bê tông giáp nhà ông Luân; Tuyến 3, từ nhà bà Dương đến nhà ông Lân; Tuyến 4, từ nhà bà Chính đến ông Tư; Tuyến 5, từ nhà ông Sầm đến nhà ông Thuận)	Phạm Ngũ Lão	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=790m	6,500	2,000	4,500	Dưới 50%	2,000	UBND xã Phạm Ngũ Lão
26	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phạm Ngũ Lão (Đoạn 1, từ đường QL.38 vào đến đầu cầu Phú Cốc; Đoạn 2, từ cầu Phú Cốc vào đến cửa nhà ông Duy)	Phạm Ngũ Lão	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.000m	14,995	7,000	7,995	Dưới 50%	7,000	UBND xã Phạm Ngũ Lão
27	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phạm Ngũ Lão (Đoạn từ nhà ông Quỳnh đến nhà ông Tuấn)	Phạm Ngũ Lão	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=550m	7,000	3,000	4,000	Dưới 50%	3,000	UBND xã Phạm Ngũ Lão



TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m ² , ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)					Chủ đầu tư	
						Tổng số	Trong đó:		Mức NS tỉnh hỗ trợ	Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)		
							NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác				
1												
28	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Thịnh (Đoạn từ đê 378 đến đê bổi thoát lũ sông Hồng)	Phú Thịnh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=700m	15,000	4,000	11,000	Dưới 50%	4,000	UBND xã Phú Thịnh	
29	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Thịnh (Đoạn từ ngã tư giáp UBND xã Phú Thịnh đến đường trục xã Thọ Vinh)	Phú Thịnh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.300m	18,000	5,000	13,000	Dưới 50%	5,000	UBND xã Phú Thịnh	
30	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Thịnh (Đoạn từ DT.378 đến đê bổi)	Phú Thịnh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=650m	15,000	4,000	11,000	Dưới 50%	4,000	UBND xã Phú Thịnh	
31	Trường Mầm non Trung tâm xã Mai Động (Hạng mục: Nhà lớp học 10 phòng học và một số hạng mục phụ trợ)	Mai Động	Trường Mầm non	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=1.800m ² ; hạng mục phụ trợ	20,000	5,000	15,000	Dưới 50%	5,000	UBND xã Mai Động	
32	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vũ Xá (Đoạn từ đường DH.70 đến cầu Bình Đới)	Vũ Xá	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=990m	14,900	4,000	10,900	Dưới 50%	4,000	UBND xã Vũ Xá	
33	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đức Hợp (Tuyến 1: Từ ngõ nhà ông Ngợi đến đường vào Khu Đông; Tuyến 2: Từ nhà ông Mạnh đến nhà ông Chanh Khu đội 11, thôn Đức Phú; Tuyến 3: Từ ngã tư An Lạc đến xã Mai Động)	Đức Hợp	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.800m	12,500	5,000	7,500	Dưới 50%	5,000	UBND xã Đức Hợp	
34	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Mát, xã Nhân La (Đoạn từ đường nối cao tốc HN-HP đến nhà ông Quyet)	Nhân La	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=400m	6,000	3,000	3,000	Từ 50% trở lên	3,000	UBND xã Nhân La	
VI	HUYỆN KHOÀI CHÂU					728,605	227,768	500,837		227,768		
1	Nhà lớp học 3 tầng 09 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học xã Tân Châu	Tân Châu	Trường Tiểu học	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=1.200m ² ; hạng mục phụ trợ	14,990	10,000	4,990	Từ 50%	10,000	UBND xã Tân Châu	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Tân Châu (Đoạn từ UBND xã Tân Châu đến ngã ba Bà Vũng và kiên cố hóa kênh mương dọc tuyến)	Tân Châu	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=740m	22,000	15,000	7,000	Từ 50%	15,000	UBND xã Tân Châu	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đại Hưng (Đường bắc sông Chung, đoạn từ cầu nhà Liền đến xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động)	Đại Hưng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,650m	25,000	5,000	20,000	Dưới 50%	5,000	UBND xã Đại Hưng	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đại Hưng (điểm đầu Sông 2, điểm cuối Sông Đại Thần, gồm: Đoạn 1, đường Ai nội giữa Đội 4 và Đội 5; Đoạn 2, đường Ai giữa Đội 5 và Đội 6)	Đại Hưng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=950m	8,000	3,000	5,000	Dưới 50%	3,000	UBND xã Đại Hưng	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đại Hưng (Đoạn 1: Điểm đầu từ trang trại nhà Dũng Thủy đến thưng ba góc bên Cùng; Đoạn 2: Điểm đầu từ nghĩa trang nhân dân đến giáp xã Chí Tân)	Đại Hưng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.370m	20,000	5,000	15,000	Dưới 50%	5,000	UBND xã Đại Hưng	
6	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đỗ Xá, xã Hồng Tiến	Hồng Tiến	Nhà VH thôn	Xuống cấp	Diện tích xây dựng, S=271m ² ; hạng mục phụ trợ	6,000	2,000	4,000	Dưới 50%	2,000	UBND xã Hồng Tiến	

TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m ² , ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)					Chú đầu tư	
						Tổng số	Trong đó:		Mức NS tỉnh hỗ trợ	Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)		
							NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác				
1												
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Cao Quán, xã Hồng Tiến	Hồng Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.020m	12,000	5,000	7,000	Dưới 50%	5,000	UBND xã Hồng Tiến	
8	Xây dựng tuyến đường giao thông và hệ thống thoát nước đoạn từ hộ ông Hữu đến cư Ba Xã, xã Hồng Tiến	Hồng Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=320m	14,900	5,000	9,900	Dưới 50%	5,000	UBND xã Hồng Tiến	
9	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Đỗ Xá, xã Hồng Tiến	Hồng Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.600m	27,000	4,500	22,500	Dưới 50%	4,500	UBND xã Hồng Tiến	
10	Nhà lớp học 2 tầng 24 phòng Trường Mầm non khu trung tâm xã Hồng Tiến	Hồng Tiến	Trường Mầm non	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=2.200m ² ; hạng mục phụ trợ	41,000	10,000	31,000	Dưới 50%	10,000	UBND xã Hồng Tiến	
11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Tiến (đường xung quanh hồ An Lạc, thôn An Lạc)	Đông Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=400m	14,500	5,000	9,500	Dưới 50%	5,000	UBND xã Đông Tiến	
12	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thổ Khối, xã Đông Tiến	Đông Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.280m	14,990	2,500	12,490	Dưới 50%	2,500	UBND xã Đông Tiến	
13	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Kim Tháp, xã Đông Tiến	Đông Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=910m	14,500	2,500	12,000	Dưới 50%	2,500	UBND xã Đông Tiến	
14	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chí Tân (Đoạn 1: Từ gốc Muối đi Đới Sơn thôn Nghi Xuyên; Đoạn 2: Trục giữa đường mà Nghi Xuyên đi Tân Hưng; Đoạn 3: Trạm bơm Mội Mây đi cầu Đưa thôn Tân Hưng; Đoạn 4: Từ nhà ông Pháp đi ở Làng Thùng thôn Cốc Phong; Đoạn 5: Lạch San đi bãi rác thôn Cốc Phong; Đoạn 6: Kênh Tây đi Đông Sơn thôn Tân Hưng)	Chí Tân	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.240m	14,900	3,000	11,900	Dưới 50%	3,000	UBND xã Chí Tân	
15	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chí Tân (Đoạn 1: từ đường DH.51 đi nhà Mạnh Hoài; đoạn 2 từ nhà ông Cầu đi nhà Nga Thằng; đoạn 3 từ đường DH.51 đi nhà ông Tuấn Xue; Đoạn 4 đường Ngô Ông; Đoạn 5 từ nhà bà Lê Sơn đi nhà bà Phương Quy; Đoạn 6 từ đường DH.51 qua nhà ông Minh Vinh đi nhà bà Hương Thiên; đoạn 7 từ nhà Anh Thủy đi nhà ông Đò Lới; đoạn 8 từ nhà Bình Chin đi nhà ông Khảo Tôn)	Chí Tân	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.710m	14,500	4,500	10,000	Dưới 50%	4,500	UBND xã Chí Tân	
16	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ trục thôn Đông Kết xóm 14, 15 đến trục thôn Lạc Thủy và đi Kênh Tây thôn Lạc Thủy)	Đông Kết	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=646m	2,500	1,000	1,500	Dưới 50%	1,000	UBND xã Đông Kết	
17	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ cầu sông 10 xóm 1 đi Kênh Tây; đoạn từ KT12 đi Quán đá, đi trục xã)	Đông Kết	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.000m	11,000	2,000	9,000	Dưới 50%	2,000	UBND xã Đông Kết	
18	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ đường WB2 đi Trường THCS, đi kênh tây)	Đông Kết	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=600m	7,000	2,000	5,000	Dưới 50%	2,000	UBND xã Đông Kết	

TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m ² , ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)					Mức NS tỉnh hỗ trợ	Kế hoạch vốn NS tỉnh hỗ trợ năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)	Chủ đầu tư	
						Tổng số	NS tỉnh hỗ trợ	Trong đó: NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác	Dưới 50%	Dưới 50%				
1														
19	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lạc Thủy và các hạng mục phụ trợ, xã Đông Kết	Đông Kết	Nhà VH thôn	Xuống cấp	Diện tích xây dựng. S=340m ² ; hạng mục phụ trợ	7.500	3.000	4.500	Dưới 50%	3.000	UBND xã Đông Kết			
20	Xây dựng nhà lớp học đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Đông Kết	Đông Kết	Trường Tiểu học	Xuống cấp	Diện tích xây dựng. S=650m ² ; hạng mục phụ trợ	13.000	6.000	7.000	Dưới 50%	6.000	UBND xã Đông Kết			
21	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn, thôn 2 xã Ông Đình (đoạn từ nhà bà Lam xuống Cầu Tre)	Ông Đình	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=650m	14.500	5.000	9.500	Dưới 50%	5.000	UBND xã Ông Đình			
22	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Ông Đình (Đoạn từ gần địa phận xã An Vĩ đi qua bưu điện lên gần địa phận xã Tân Dân; Đoạn từ nhà anh Dũng Thuong đi xã Tân Dân)	Ông Đình	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.590m	11.000	2.768	8.232	Dưới 50%	2.768	UBND xã Ông Đình			
23	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ông Đình và một số hạng mục phụ trợ	Ông Đình	Trường Tiểu học và THCS	Xuống cấp	Diện tích sản xây dựng. S=622m ² ; hạng mục phụ trợ	8.500	3.500	5.000	Dưới 50%	3.500	UBND xã Ông Đình			
24	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều (Đoạn từ Trạm y tế xã Bình Kiều đi DT.384)	Bình Kiều	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.350m	14.950	5.000	9.950	Dưới 50%	5.000	UBND xã Bình Kiều			
25	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều (đoạn từ nhà văn hóa thôn Bình Kiều đến nhà ông Trương thôn An Cảnh)	Bình Kiều	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=700m	14.875	2.000	12.875	Dưới 50%	2.000	UBND xã Bình Kiều			
26	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều (đoạn từ nhà ông Trương thôn An Cảnh đến đường DT.383)	Bình Kiều	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.300m	30.000	2.000	28.000	Dưới 50%	2.000	UBND xã Bình Kiều			
27	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hàm Tử (Đoạn 1, từ đường nhà Ngã Toàn đến ông Phùng Đông Kết; Đoạn 2, từ nhà ông Đoạt lên đường DT.377B)	Hàm Tử	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.180m	10.500	3.000	7.500	Dưới 50%	3.000	UBND xã Hàm Tử			
28	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Khê (Đoạn từ dốc kênh đi cống mốc đá đường DH.59)	Liên Khê	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.000m	13.000	2.000	11.000	Dưới 50%	2.000	UBND xã Liên Khê			
29	Cải tạo, mở rộng các tuyến đường GT thôn Bãi Sậy 3, xã Tân Dân (Đoạn 1: từ nhà ông Khắc đến nhà ông Chín Nghiệp; Đoạn 2: từ nhà ông Chuyên đến nhà ông Chính; Đoạn 3: từ nhà ông Thu đi cánh đồng thôn Bãi Sậy 3)	Tân Dân	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.060m	14.950	4.500	10.450	Dưới 50%	4.500	UBND xã Tân Dân			
30	Nhà hiệu bộ, lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Tân Dân	Tân Dân	Trường THCS	Xuống cấp	Diện tích sản xây dựng. S=1.900m ² ; hạng mục phụ trợ	22.500	5.500	17.000	Dưới 50%	5.500	UBND xã Tân Dân			
31	Nhà hiệu bộ, lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non thôn Đa Hoà, xã Bình Minh	Bình Minh	Trường Mầm non	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích sản xây dựng. S=1.372m ² ; hạng mục phụ trợ	19.500	6.000	13.500	Dưới 50%	6.000	UBND xã Bình Minh			
32	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Bình Minh	Bình Minh	Trường THCS	Xuống cấp	Diện tích sản xây dựng. S=1.210m ² ; hạng mục phụ trợ	17.000	5.000	12.000	Dưới 50%	5.000	UBND xã Bình Minh			

Ấn

TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m ² , ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)					Mức NS tình hỗ trợ	Kế hoạch vốn NS tình hỗ trợ năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)	Chủ đầu tư		
						Tổng số	Trong đó:		NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác	10				11	12
							NS tình hỗ trợ	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác							
1						7									
33	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Minh (Đoạn 1: từ đường DH.25 nhà ông Chương Tuyền đi Máng Kênh Tây; Đoạn 2: Từ đường DH.25 đi xứ dòng Luông Ấu; Đoạn 3: Từ Đường 5 tiếp giáp cửa Đền đi DT.382)	Bình Minh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.520m	18,000	5,000	13,000	Dưới 50%	5,000	UBND xã Bình Minh				
34	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Bình Minh	Bình Minh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.000m	6,500	2,000	4,500	Dưới 50%	2,000	UBND xã Bình Minh				
35	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Ninh (đoạn từ đường bê tông đội 8 đến đội 10, giáp đình thôn Nội Doanh)	Đông Ninh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=550m	5,000	3,000	2,000	Tên 50%	3,000	UBND xã Đông Ninh				
36	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Đông Ninh (Đoạn từ ngõ ông Thân đến cuối ngõ ông Thăng Nội Doanh)	Đông Ninh	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.100m	14,990	10,000	4,990	Tên 50%	10,000	UBND xã Đông Ninh				
37	Xây dựng Trường mầm non Nhuế Dương	Nhuế Dương	Trường Mầm non	Xuống cấp	Diện tích sân xây dựng, S=950m ² ; hàng mục phụ trợ	14,900	5,000	9,900	Dưới 50%	5,000	UBND xã Nhuế Dương				
38	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhuế Dương (đoạn nối từ DH.59B đến đé 378)	Nhuế Dương	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.700m	26,000	5,000	21,000	Dưới 50%	5,000	UBND xã Nhuế Dương				
39	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Thành Công (Đoạn đường từ ruộng nhà ông Chương đến ruộng nhà bà Liên thôn Hương Quất 2)	Thành Công	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=210m	4,000	1,800	2,200	Dưới 50%	1,800	UBND xã Thành Công				
40	Xây dựng Trạm Y tế xã Dân Tiến (các phòng chức năng và các công trình phụ trợ có liên quan)	Dân Tiến	Trạm Y tế	Xuống cấp	Diện tích sân xây dựng, S=360m ² ; hàng mục phụ trợ	25,000	10,000	15,000	Dưới 50%	10,000	UBND xã Dân Tiến				
41	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Đào Viên và thôn Mậu Lâm, xã Dân Tiến	Dân Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.040m	14,990	4,000	10,990	Dưới 50%	4,000	UBND xã Dân Tiến				
42	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn thôn Đào Viên, xã Dân Tiến (Đoạn từ nhà Hương Thơm đến công T35)	Dân Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=235m	14,990	4,500	10,490	Dưới 50%	4,500	UBND xã Dân Tiến				
43	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến (Đoạn 1, từ nhà ông Mạnh Hương đến nhà anh Bùng; Đoạn 2, từ nhà ông Đạt đến nhà anh Yên Bắc; Đoạn 3, từ nhà anh Hà đến nhà ông Nam; Đoạn 4, từ nhà ông Kiên đến nhà ông Thành)	Dân Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.035m	8,500	3,500	5,000	Dưới 50%	3,500	UBND xã Dân Tiến				
44	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến (Đoạn 1, nhà Vinh Anh đến nhà Tinh Hiền; Đoạn 2, nhà ông Loan đến nhà bà Tố; Đoạn 3, nhà Hiền Hưng đến nhà Hiền Thành; Đoạn 4, nhà Thanh Hòa đến nhà Hoa Miên; Đoạn 5, nhà Đức đến nhà Hiền Toàn)	Dân Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.170m	14,990	6,000	8,990	Dưới 50%	6,000	UBND xã Dân Tiến				
45	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn thôn An Bình, xã Dân Tiến (Đoạn 1, từ nhà Thành Nguyệt đến nhà ông Thế; Đoạn 2, từ nhà Tinh Diễm đến nhà ông Lâm; Đoạn 3, từ nhà ông Nghĩa đến nhà Hai Ban; Đoạn 4, từ nhà ông Vũ đến nhà Lan Sầu)	Dân Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.170m	14,990	4,500	10,490	Dưới 50%	4,500	UBND xã Dân Tiến				

TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m2, ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)					Mức NS tỉnh hỗ trợ	Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)	Chủ đầu tư
						Tổng số	NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác	Trong đó:				
1						7	8	9	10	11	12		
46	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (đoạn từ Ngõ Chùa đến Ngõ Thị; đoạn từ đình làng Tiểu quan đến Cầu Trầm)	Phùng Hưng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=515m	8,500	3,700	4,800	Dưới 50%	3,700	UBND xã Phùng Hưng		
47	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ nhà cụ Lê Tiên Xương đến nhà ông Mạnh; Tuyến đường Đối Nhội; đoạn từ nhà ông bà Kha Quế đến DT.384; Đoạn từ giếng xóm 1 đến bờ mương kênh dòng)	Phùng Hưng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.495m	12,500	6,000	6,500	Dưới 50%	6,000	UBND xã Phùng Hưng		
48	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ công chợ Tiểu Quan đến nhà Thu Đóa; Đoạn từ nhà ông Thủy đến Trường Mầm non xóm 4; Đoạn từ đình làng Tiểu Quan đi bờ mương Kênh Đông xóm 4)	Phùng Hưng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.130m	13,500	6,500	7,000	Dưới 50%	6,500	UBND xã Phùng Hưng		
49	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thuận Hưng (Tuyến đường từ Ngân hàng chợ Giàn đi đến nhà ông bà Tuyên Loan thôn 1)	Thuần Hưng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=905m	14,700	5,000	9,700	Dưới 50%	5,000	UBND xã Thuận Hưng		
VII HUYỆN YÊN MỸ						372,620	151,845	220,775		151,845			
1	Cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Liêu Xá	Liêu Xá	Trường THCS	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ, S=1.350m ² ; hạng mục phụ trợ	14,900	7,000	7,900	Dưới 50%	7,000	UBND xã Liêu Xá		
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Liêu Trung, xã Liêu Xá (đoạn từ công ty An Phú đến đường DT.380)	Liêu Xá	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=500m	19,000	8,000	11,000	Dưới 50%	8,000	UBND xã Liêu Xá		
3	Xây dựng nhà hiệu bộ kết hợp lớp học, Nhà đa năng và các HMPT Trường THCS Thanh Long	Thanh Long	Trường THCS	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=2.300m ² ; hạng mục phụ trợ	44,500	17,000	27,500	Dưới 50%	17,000	UBND xã Thanh Long		
4	Nhà văn hóa thôn Yên Đò, xã Tân Việt	Tân Việt	Nhà VH thôn	Xuống cấp	Hạng mục phụ trợ	6,500	3,000	3,500	Dưới 50%	3,000	UBND xã Tân Việt		
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Yên Phú (đoạn từ đường DT.381 đến thôn Tân Phú)	Yên Phú	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.150m	43,000	16,000	27,000	Dưới 50%	16,000	UBND xã Yên Phú		
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT kết nối từ DT.381 (đoạn nhà ông Chiến) ra DT.379, xã Yên Phú	Yên Phú	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=700m	6,150	2,000	4,150	Dưới 50%	2,000	UBND xã Yên Phú		
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT nối từ DT.379 (đoạn nhà ông Hiền) đến đường hợp nhất Tân Tây Lại, xã Yên Phú	Yên Phú	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.100m	12,500	4,145	8,355	Dưới 50%	4,145	UBND xã Yên Phú		
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Việt Cường (đoạn từ đường gom cao tốc 5B đến cuối đường WB đi lên đường 382 xã Thanh Long và đoạn từ nhà ông Liên Thời đến nhà ông Oai Xuyên)	Việt Cường	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.790m	36,000	17,000	19,000	Dưới 50%	17,000	UBND xã Việt Cường		
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Việt Cường (Đoạn của các thôn Mỹ Xá, thôn Thanh Xá và thôn Thái Nội)	Việt Cường	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.550m	14,900	7,000	7,900	Dưới 50%	7,000	UBND xã Việt Cường		
10	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn xã Việt Cường (trục chính thôn Thanh Xá, thôn Mỹ Xá)	Việt Cường	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=550m	4,910	1,600	3,310	Dưới 50%	1,600	UBND xã Việt Cường		

TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m ² ,...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)					Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)	Chủ đầu tư
						Tổng số	NS tỉnh hỗ trợ	Trong đó: NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác	Mức NS tỉnh hỗ trợ			
1						7	8	9	10	11	12	
11	Nhà hiệu bộ, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và THCS Ngọc Long	Ngọc Long	Trường Tiểu học và THCS	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=2.000m ² ; hạng mục phụ trợ	35.000	15.000	20.000	Dưới 50%	15.000	UBND xã Ngọc Long	
12	Cải tạo nâng cấp đường giao thông liên thôn xã Ngọc Long	Ngọc Long	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.600m	32.000	14.000	18.000	Dưới 50%	14.000	UBND xã Ngọc Long	
13	Xây dựng cầu GTNT xã Yên Hòa (Cầu qua sông Từ Hồ-Sài Thị)	Yên Hòa	Cầu GTNT	Xuống cấp	Xây dựng cầu GTNT, L=24m	14.000	5.000	9.000	Dưới 50%	5.000	UBND xã Yên Hòa	
14	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Đạo Khê, thôn Hà, xã Trung Hưng (đoạn từ nhà ông Sơn chân cầu Lục Diên cũ đến nhà ông Biên DH.40)	Trung Hưng	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.760m	32.000	12.000	20.000	Dưới 50%	12.000	UBND xã Trung Hưng	
15	Nhà hiệu bộ và một số hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Trung Hòa, xã Trung Hòa	Trung Hòa	Trường Tiểu học	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích xây dựng, S=1.500m ² ; hạng mục phụ trợ	14.980	7.000	7.980	Dưới 50%	7.000	UBND xã Trung Hòa	
16	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Hòa (Đoạn từ đường DT.376 đến ngã tư thôn Tam Trạch)	Trung Hòa	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.200m	14.990	7.000	7.990	Dưới 50%	7.000	UBND xã Trung Hòa	
17	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT trực chính thôn Nghĩa Xuyên và thôn Nội Tây, xã Trung Hòa	Trung Hòa	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.150m	6.080	2.000	4.080	Dưới 50%	2.000	UBND xã Trung Hòa	
18	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT trực chính thôn Thiên Lộc, xã Trung Hòa (Đoạn 1, nối từ đường DT. 376 chợ Thiên Lộc đến quy hoạch đường tránh DT.376; Đoạn 2, từ nhà ông Lục Du đến quy hoạch đường tránh DT.376; Đoạn 3, từ nhà ông Quý Thiêm đến quy hoạch đường tránh DT.376)	Trung Hòa	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.620m	14.910	5.100	9.810	Dưới 50%	5.100	UBND xã Trung Hòa	
19	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thiên Lộc xã Trung hòa (Đoạn 1, từ nhà Ông Từ Cúc đến nhà ông Tuy Ngất; Đoạn 2, từ nhà Sác Tông đến nhà Quá An; Đoạn 3, từ nhà Tú Tuấn đến nhà Khéo Lốp)	Trung Hòa	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=750m	6.300	2.000	4.300	Dưới 50%	2.000	UBND xã Trung Hòa	
VIII THỊ XÃ MỸ HẠO												
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT các thôn Hiền Dương, Vũ Xã, Lê Xã xã Dương Quang	Dương Quang	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.650m	124.900	56.942	67.958	Dưới 50%	56.942	UBND xã Dương Quang	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT các thôn Dương Xã, Phú Hữu, xã Dương Quang	Dương Quang	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.330m	36.900	15.942	20.958	Dưới 50%	15.942	UBND xã Dương Quang	
3	Cải tạo, nâng cấp đường trục Máy Kéo xã Hưng Long, thị xã Mỹ Hào	Hưng Long	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.950m	43.000	21.000	22.000	Dưới 50%	21.000	UBND xã Hưng Long	
IX HUYỆN VĂN LÂM												
1	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 18 phòng Trường THCS Chi Đạo	Chi Đạo	Trường THCS	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng, S=2.160m ² ; hạng mục phụ trợ	20.000	5.000	15.000	Dưới 50%	5.000	UBND xã Chi Đạo	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chi Đạo (đoạn từ công Bằng đến nhà ông Quang thôn Nghĩa Lộ và đoạn từ nhà ông Quang đến đê Rùa giao DT.385)	Chi Đạo	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1.950m	14.950	5.000	9.950	Dưới 50%	5.000	UBND xã Chi Đạo	

TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m2, ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)					Chủ đầu tư
						Tổng số	Trong đó:		Mức NS tính hỗ trợ	Kế hoạch vốn NS tính bổ trợ năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)	
							NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác			
1						7	8	9	10	11	12
3	Xây dựng nhà văn hóa thôn Nhạc Miếu, xã Lạc Hồng	Lạc Hồng	Nhà VH thôn	Xuống cấp	Diện tích xây dựng: S=387m ² ; hạng mục phụ trợ	11,149	3,000	8,149	Dưới 50%	3,000	UBND xã Lạc Hồng
4	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hồng Thái, xã Lạc Hồng	Lạc Hồng	Nhà VH thôn	Xuống cấp	Diện tích xây dựng: S=500m ² ; hạng mục phụ trợ	13,493	5,000	8,493	Dưới 50%	5,000	UBND xã Lạc Hồng
5	Xây dựng tuyến đường giao thông xã Tân Quang (đoạn bao quanh Trường THCS)	Tân Quang	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=500m	23,000	7,000	16,000	Dưới 50%	7,000	UBND xã Tân Quang
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Khuốc Bền, xã Lương Tài	Lương Tài	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,200m	10,500	5,000	5,500	Dưới 50%	5,000	UBND xã Lương Tài
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lương Tài (Đoạn từ bus điện đến đường DT.385)	Lương Tài	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=600m	5,000	2,000	3,000	Dưới 50%	2,000	UBND xã Lương Tài
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lương Tài (Đoạn từ đường DH.15 đi thôn Xuân Đào và thôn Đông Trại)	Lương Tài	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=960m	12,000	5,000	7,000	Dưới 50%	5,000	UBND xã Lương Tài
9	Nhà văn hóa thôn Trình, xã Lạc Đạo	Lạc Đạo	Nhà VH thôn	Xuống cấp	Diện tích xây dựng: S=450m ² ; hạng mục phụ trợ	8,300	3,000	5,300	Dưới 50%	3,000	UBND xã Lạc Đạo
10	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hùng Trì, xã Lạc Đạo	Lạc Đạo	Nhà VH thôn	Xuống cấp	Diện tích xây dựng: S=500m ² ; hạng mục phụ trợ	7,500	2,000	5,500	Dưới 50%	2,000	UBND xã Lạc Đạo
11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lạc Đạo (Đoạn 1, từ Trường Tiểu học đến ngã ba cây đa thôn Xanh Tý; Đoạn 2, tuyến đường hàng Cọc thôn Ngọc; Đoạn 3, từ ngã tư Đăng Kiểm đến trạm bơm Mạ Cả thôn Hùng Trì)	Lạc Đạo	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,300m	14,500	6,000	8,500	Dưới 50%	6,000	UBND xã Lạc Đạo
12	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Ngọc, xã Lạc Đạo (Đoạn 1, từ ngõ Cầu Gạch đi nhà ông Vời và nhà ông Hùng; Đoạn 2, từ nhà ông Lâm đến nhà ông Chử, Bích)	Lạc Đạo	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,200m	9,500	4,000	5,500	Dưới 50%	4,000	UBND xã Lạc Đạo
13	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đại Từ, xã Đại Đông (Đoạn 1, từ đường Asphalt trục thôn đến nhà văn hóa xóm Trầu; Đoạn 2, từ nhà văn hóa xóm Đình Đông đến đường DT.385; Đoạn 3, từ Chùa đến xóm Đình Đông)	Đại Đông	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,405m	14,200	5,000	9,200	Dưới 50%	5,000	UBND xã Đại Đông
14	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đại Bi, thôn Bung Đông, thôn Lông Thượng, xã Đại Đông	Đại Đông	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,200m	13,500	5,000	8,500	Dưới 50%	5,000	UBND xã Đại Đông
15	Nhà hiệu bộ Trường Tiểu học xã Đại Đông	Đại Đông	Trường Tiểu học	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng: S=1,200m ² ; hạng mục phụ trợ	14,500	5,500	9,000	Dưới 50%	5,500	UBND xã Đại Đông
16	Nhà hiệu bộ Trường Tiểu học xã Việt Hưng	Việt Hưng	Trường Tiểu học	Còn thiếu/ Xuống cấp	Diện tích sàn xây dựng: S=920m ² ; hạng mục phụ trợ	8,500	3,500	5,000	Dưới 50%	3,500	UBND xã Việt Hưng

TT	Công trình/ dự án	Địa điểm xây dựng (Tên xã)	Hạng mục công trình/ dự án	Đánh giá hiện trạng (Còn thiếu, xuống cấp...)	Quy mô đầu tư dự kiến (M, m ² , ...)	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)					Chú đầu tư
						Tổng số	NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác	Mức NS tỉnh hỗ trợ	Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí năm 2024, năm 2025 (Triệu đồng)	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Trai Túc, thôn Mộc Ty và thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trắc	Trung Trắc	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2.500m	14,950	5,000	9,950	Dưới 50%	5,000	UBND xã Trung Trắc
17	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Ngải Dương và thôn Xuân Lợi, xã Đình Dù	Đình Dù	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=4,040m	19,578	7,000	12,578	Dưới 50%	7,000	UBND xã Đình Dù
18	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Đình Dù, xã Đình Dù	Đình Dù	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=750m	14,950	5,000	9,950	Dưới 50%	5,000	UBND xã Đình Dù
19	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Thị Trung và thôn Đình Dù, xã Đình Dù	Đình Dù	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=3,585m	17,310	6,904	10,406	Dưới 50%	6,904	UBND xã Đình Dù
20	HUYỆN VĂN GIANG					263,530	94,904	168,626		94,904	
X											
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Quan (các tuyến đường thôn 7 và thôn 10)	Xuân Quan	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=3,300m	29,500	14,000	15,500	Dưới 50%	14,000	UBND xã Xuân Quan
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Quan (đoạn từ thôn 8 đi DT.379B)	Xuân Quan	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,200m	28,000	10,000	18,000	Dưới 50%	10,000	UBND xã Xuân Quan
3	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông thôn Mã Sở và thôn Nhạn Tháp, xã Mã Sở	Mã Sở	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,400m	14,980	4,000	10,980	Dưới 50%	4,000	UBND xã Mã Sở
4	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông thôn Phú Trạch và thôn Đông Quê, xã Mã Sở	Mã Sở	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=2,490m	14,950	4,000	10,950	Dưới 50%	4,000	UBND xã Mã Sở
5	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên Khu văn hóa thôn Như Lân, xã Long Hưng	Long Hưng	Nhà VH thôn	Xuống cấp	S=1,568m ² , hạng mục phụ	14,900	3,500	11,400	Dưới 50%	3,500	UBND xã Long Hưng
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Giáo Phòng, xã Vĩnh Khúc	Vĩnh Khúc	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,550m	14,950	4,000	10,950	Dưới 50%	4,000	UBND xã Vĩnh Khúc
7	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Thượng Tân, xã Vĩnh Khúc	Vĩnh Khúc	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,550m	13,500	6,000	7,500	Dưới 50%	6,000	UBND xã Vĩnh Khúc
8	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Vĩnh An, xã Vĩnh Khúc	Vĩnh Khúc	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=950m	10,500	4,500	6,000	Dưới 50%	4,500	UBND xã Vĩnh Khúc
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Vàng và ngắm hóa kênh tiêu KT0 (đoạn từ DT.379B đến đường phía Tây) xã Cừu Cao	Cừu Cao	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, ngắm hóa kênh tiêu, L=485m	40,000	14,500	25,500	Dưới 50%	14,500	UBND xã Cừu Cao
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Tiến (đoạn từ DT.379 đi thôn Đa Ngun)	Tân Tiến	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,200m	14,950	7,000	7,950	Dưới 50%	7,000	UBND xã Tân Tiến
11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thăng Lợi	Thăng Lợi	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=1,250m	12,000	4,000	8,000	Dưới 50%	4,000	UBND xã Thăng Lợi
12	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phụng Công (làng nghề hoa, cây cảnh)	Phụng Công	Đường GTNT	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, L=3,000m	42,500	13,904	28,596	Dưới 50%	13,904	UBND xã Phụng Công
13	Nhà văn hóa thôn Ngô, xã Phụng Công	Phụng Công	Nhà VH thôn	Xuống cấp	Diện tích xây dựng, S=450m ² , hạng mục phụ trợ	12,800	5,500	7,300	Dưới 50%	5,500	UBND xã Phụng Công

M. Hùng